TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày 18-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hoàng Anh;
2. Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2023/TLST- HS, ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn B (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 23 tháng 01 năm 2001, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn N, sinh năm 1979 (đã chết) và bà Linh Thị H, sinh năm 1981; vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không có;

- Tiền án: Có 01 tiền án; tại bản án số 99/2020/HS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã tuyên phạt 10 tháng tù về Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 17/6/2021 đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân: Ngày 01/11/2017, bị Công an huyện Hữu Lũng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; đã thi hành xong ngày 01/11/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2023 đến nay. Có mặt.

2. Đồng Văn Đ (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 21 tháng 12 năm 1972, tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1940; vợ: Đỗ Thị T2, sinh năm 1974; con: 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần X 1.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Bùi Nam H, sinh năm 1977, chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần X 1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn N, sinh năm: 1994. Chức vụ: Đội phó đội thi công (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023). Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lý Văn B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đồng Văn T3, sinh năm 1993. Vắng mặt.

2. Anh Triệu Phú C, sinh năm 1987. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/5/2023, Triệu Văn B điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 97F3 - 9110 đi từ nhà ở thôn Đ, xã C, huyện H theo Quốc lộ 1A đến thị trấn H chơi. Khi đi qua đoạn đường thuộc thôn N, xã Đ, huyện H Triệu Văn B thấy ở cạnh đường có một số cột điện và nhiều thanh xà néo cột điện bằng kim loại mạ màu trắng chưa sử dụng; thấy tài sản không có người trông giữ nên Triệu Văn B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu sài.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Triệu Văn B điều khiển xe mô tô đến lấy trộm một thanh xà néo cột điện có thanh ngang dài 2,49m, phía trên có gắn 01 thanh kim loại uốn cong dài 1,78m đặt lên yên xe mô tô rồi chở đến cửa hàng thu mua phế liệu "T Đ" ở thôn N, xã Đ, huyện H bán. Khi đến nơi Triệu Văn B gặp Đồng Văn Đ chủ cửa hàng và nói "cháu cân ít sắt", Đồng Văn Đ thấy đồ B bán không phải sắt vụn mà là thanh sắt mạ kẽm còn mới, chưa qua sử dụng, nhìn đặc điểm biết là sắt sử dụng cho công trình; Đồng Văn Đ nghĩ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng do hám lợi vẫn đồng ý mua. Do đang bận cộng sổ sách trong nhà nên Đồng Văn Đ bảo con trai là Đồng Văn T3 ra cân; T3 không hỏi gì, cân được 31kg thì trả cho B số tiền 230.000đ. Nhận tiền xong B tiếp tục quay lại chỗ cũ trộm tiếp thanh thứ hai đem đến cửa hàng bán, B tự đặt lên cân được 31kg, Đồng Văn T3 gọi Đồng Văn Đ ra xem và được B nói lại nặng 31kg.

Đồng Văn Đ thấy Triệu Văn B đem toàn đồ còn mới đến bán thì hỏi "cái này có phải cất đi không", B trả lời "có phải cất đi" thì Đồng Văn Đ liền đem đi cất, B đợi một lúc thấy chưa trả tiền lại điều khiển xe đi trộm tiếp thanh thứ ba đến bán, lần này do chính Đồng Văn Đ trực tiếp cân được 28kg, rồi nhờ B hộ khiêng vào phía trong nhà chỗ để thanh xà néo trộm lần thứ hai rồi lấy bìa carton đậy lên trên, Đồng Văn Đ nói với B "thôi mày đừng lấy nữa, lấy nữa chú cũng không mua nữa". B đứng đợi để lấy tiền, ngay lúc đó Công an xã Đ, huyện Hữu Lũng đến kiểm tra phát hiện, thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F3 – 9110, 03 thanh xà néo cột điện bằng kim loại, 230.000 đồng và 01 thùng bìa carton.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận: 03 thanh xà néo cột điện bằng kim loại do Triệu Văn B trộm cắp có tổng trị giá là 2.700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn B về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đồng Văn Đ về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn B phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo do không có tài sản riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, xử phạt bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 thùng bìa carton đã qua sử dụng là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội và không còn giá trị sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 230.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện bị hại anh Đỗ Văn N, những người làm chứng anh Đồng Văn T3, anh Triệu Phú C vắng mặt và đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; hồ sơ đã có lời khai, lời trình bày, đề nghị của những người vắng mặt được thu thập hợp pháp. Việc xét xử vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp và đã thẩm tra tại phiên toà. Đảm bảo căn cứ xác định: Ngày 05/5/2023, lợi dụng sơ hở không có người trông coi Triệu Văn B đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 03 thanh xà néo cột điện bằng kim loại mạ kẽm màu trắng (đang tập kết để chuẩn bị thi công), tài sản thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X 1. Đồng Văn Đ là chủ cửa hàng thu mua phế liệu, mặc dù biết là tài sản do phạm tội mà có nhưng đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do Triệu Văn B trộm cắp mà có do hám lợi.

[4] Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng không lao động chân chính mà đã thực hiện hành vi, lợi dụng lúc vắng người, sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt và tiêu thụ tài sản có tổng giá trị 2.700.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và sự hoang mang, lo lắng đối với một bộ phận người dân trên địa bàn.

[5] Đảm bảo căn cứ kết luận Triệu Văn B đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và Đồng Văn Đ đã phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] "***Điều 173. Tội trộm cắp tài sản***

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm .

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

*"**Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có***

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[7] Hành vi của các bị cáo liên tiếp có 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt, thu mua tài sản, tuy nhiên ý thức chủ quan và hành vi khách quan thể hiện sự việc xảy ra liên tục, trong khoảng thời gian ngắn, phương thức thủ đoạn giống nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

[8] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cụ thể:

[9] Về nhân thân: Bị cáo Triệu Văn B là người có nhân thân không tốt do năm 2017, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; mặc dù đã chấp hành xong nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Bị cáo Đồng Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Triệu Văn B có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đồng Văn Đ không có tình tiết tăng nặng.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hai bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù), nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12] Hình phạt chính: Bị cáo Triệu Văn B nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện gây nguy hiểm, nguy hại cho xã hội; bị cáo có nhân thân xấu, có một tình tiết tăng nặng và chỉ có một tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, áp dụng trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội danh (nặng hơn mức hình phạt tù đã bị xét xử trước đó), đủ thời gian để bị cáo lao động, cải tạo, rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[13] Đối với Đồng Văn Đ, bị cáo nhận thức rõ hành vi tiêu thụ tài sản do Triệu Văn B trộm cắp được là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vẫn thực hiện; tuy nhiên tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm, gây nguy hại cho xã hội bởi hành vi của bị cáo không lớn. Bị cáo có trình độ văn hóa thấp (7/10) nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, tuổi đã cao ngoài 50 tuổi, hiện có nơi cư trú rõ ràng, nghề nghiệp, công việc ổn định, là lao động trong gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn gần mức khởi điểm của khung hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[14] Hình phạt bổ sung: Tại Biên bản xác minh ngày 15/5/2023, thể hiện Triệu Văn B không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền do không khả thi trong công tác thi hành án. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2023 thể hiện Đồng Văn Đ và vợ là bà Đỗ Thị T2 đứng tên chủ sở hữu thửa đất số 206 diện tích 172,3 m^2 và thửa số 225 diện tích 363,5 m^2 cùng tờ bản đồ số 63 - Bản đồ địa chính xã Đ; bản thân Đồng Văn Đ có thu nhập từ công việc tại cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình; do động cơ, mục đích phạm tội xâm phạm sở hữu vì hám lợi nên cần áp dụng hình bổ sung với mức tiền trên gần khởi điểm của khung hình phạt điều luật áp dụng.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có đơn yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ thùng bìa carton là công cụ bị cáo sử dụng để che đậy tài sản trộm cắp và không còn giá trị sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách nhà

nước số tiền 230.000 đồng của Triệu Văn B do bán được tài sản phạm tội mà có. Xác nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã trả lại 03 thanh xà néo cột điện và 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F3-9110 cho chủ sở hữu hợp pháp theo các biên bản về việc trả lại tài sản ngày 24/6/2023 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[17] Con người, sự việc liên quan: Đối với anh Đồng Văn T3 là người trực tiếp mua và trả tiền lần đầu 01 thanh xà néo cột điện nặng 31kg do bị cáo Triệu Văn B trộm cắp được, tuy nhiên Đồng Văn T3 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì khi mua đã không hỏi rõ nguồn gốc, chỉ thực hiện cân và trả tiền theo yêu cầu của bị cáo Đồng Văn Đ (là bố đẻ), do đó không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[18] Quan điểm đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[19] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[20] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53, các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn B;

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đồng Văn Đ;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Tội danh, hình phạt:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn B phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn B 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/5/2023.

2. Tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/8/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo Đồng Văn Đ số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

II. Xử lý vật chứng.

1. Tịch thu, tiêu hủy 01 thùng bìa cát tông tủ lạnh nhãn hiệu TOSHIBA, kích thước 2m x 70cm x 70cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có các đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng ngày 21/7/2023).

2. Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng).

(*Số tiền được Công an huyện Hữu Lũng chuyển đến lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự theo Giấy ủy nhiệm chi lập ngày 21/7/*2023).

III. Án phí:

Buộc các bị cáo Triệu văn B và Đồng Văn Đ mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở T pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường